

Số: 42 /2015/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành đơn giá vận chuyển và quy trình thu gom,
vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.**

UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND năm 2004;

Căn cứ Nghị định 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về việc quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTĐ ngày 17/7/2015 hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 592/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đô thị;

Căn cứ Quyết định số 105/2014/QĐ-UBND ngày 31/3/2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành quy định quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Thông báo số 88/TB-UBND ngày 20.11.2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh về kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại phiên họp UBND tỉnh ngày 18.11.2015;

Xét đề nghị của Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành đơn giá vận chuyển rác thải sinh hoạt từ các điểm tập kết rác thải về Khu xử lý chất thải rắn, như sau:

1. Đơn giá vận chuyển bằng xe chuyên dụng tính bình quân cho 01 tấn rác thải, với cự ly vận chuyển bình quân 10 km (hệ số 1- đã bao gồm công việc nạp rác từ công cụ thu chứa rác vào máng hứng, ép vào xe, thu gom, quét dọn rác rơi vãi và xúc lên xe), cụ thể:

- Loại xe ép rác 2 tấn, đơn giá 200.000 đồng.

- Loại xe ép rác 4 tấn, đơn giá 169.000 đồng.

- Loại xe ép rác 7 tấn, đơn giá 136.000 đồng.

Khi cự ly vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức vận chuyển cho một tấn rác thải sinh hoạt được điều chỉnh bởi hệ số (H), như sau :

Cự ly L (km)	Hệ số (H)
$L \leq 5$	0,9
$5 < L \leq 10$	1
$10 < L \leq 15$	1,05

2. Đơn giá vận chuyển bằng xe chuyên dụng tính bình quân cho 01 tấn rác thải, với cự ly vận chuyển bình quân 20 km (hệ số 1- đã bao gồm công việc nạp rác từ công cụ thu chứa rác vào máng hứng, ép vào xe, thu gom, quét dọn rác rơi vãi và xúc lên xe), cụ thể:

- Loại xe ép rác 4 tấn, đơn giá 178.000 đồng.

- Loại xe ép rác 7 tấn, đơn giá 156.000 đồng.

- Loại xe ép rác 10 tấn, đơn giá 137.000 đồng.

Khi cự ly vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức vận chuyển cho một tấn rác thải sinh hoạt được điều chỉnh bởi hệ số (H), như sau:

Cự ly L (km)	Hệ số (H)
$15 < L \leq 20$	1
$20 < L \leq 25$	1,11
$25 < L \leq 30$	1,22
$30 < L \leq 35$	1,3
$35 < L \leq 40$	1,38
$40 < L \leq 45$	1,45
$45 < L \leq 50$	1,51
$50 < L \leq 55$	1,57

3. Đơn giá vận chuyển này đã bao gồm chi phí chung, lợi nhuận định mức và thuế VAT, là đơn giá tối đa để UBND các huyện, thị xã, thành phố làm cơ sở đặt hàng, giao kế hoạch hoặc đấu thầu vận chuyển rác thải từ các Điểm tập kết rác thải tại các khu dân cư về Khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh .

4. Trước ngày 31/12 hàng năm, giao Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh quyết định điều chỉnh đơn giá vận chuyển rác thải sinh hoạt từ các điểm tập kết rác thải về Khu xử lý chất thải rắn khi các yếu tố yếu tố đầu vào (chi phí nhiên liệu, tiền lương, định mức kinh tế kỹ thuật ...) biến động tăng hoặc giảm trên 10% so với đơn giá tại Quyết định này.

Điều 2. Phương thức thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt.

1. Thu gom rác thải từ các hộ, gia đình về điểm tập kết:

Giao cho UBND các xã, phường, thị trấn, có trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo các tổ, đội vệ sinh môi trường của địa phương hoặc đơn vị thực hiện thu gom vận chuyển rác thu gom rác thải từ các hộ, gia đình về Điểm tập kết.

2. Vận chuyển rác từ các Điểm tập kết rác thải đến Khu xử lý rác thải rắn trên địa bàn tỉnh.

- UBND huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định của UBND tỉnh thực hiện đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch vận chuyển rác thải sinh hoạt từ Điểm tập kết rác thải về Khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn hoặc Khu xử lý gần nhất với các tổ chức, đơn vị có đủ tư cách pháp nhân và ngành nghề đăng ký kinh doanh phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Đối với các huyện chưa có đơn vị tham gia vận chuyển rác thải sinh hoạt thì tổ, đội vệ sinh của địa phương tự vận chuyển ra lò đốt của địa phương .

3. Phương tiện vận chuyển rác: Việc vận chuyển rác phải bằng các xe chuyên dụng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, khuyến khích vận chuyển rác bằng xe có trọng tải từ 4 tấn trở lên để đảm bảo vệ sinh môi trường và tiết kiệm chi phí. Sử dụng phương tiện vận tải phải phù hợp với trọng tải cho phép của đường.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:

1. UBND các xã, phường, thị trấn.

- Trực tiếp chỉ đạo việc thu gom rác thải sinh hoạt từ các hộ, gia đình đến Điểm tập kết rác thải, quản lý và vận hành Điểm tập kết rác thải của địa phương.

- Tổ chức thu và hạch toán kế toán đối với khoản thu - chi phí vệ sinh theo đúng các quy định hiện hành.

- Mỗi năm 1 lần (vào tháng 10) lấy ý kiến của các hộ dân trên địa bàn về chất lượng thu gom vận chuyển rác của tổ, đội vệ sinh môi trường của địa phương hoặc đơn vị thực hiện thu gom vận chuyển rác để góp phần thực hiện công việc năm sau được tốt hơn.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Xây dựng kế hoạch vận chuyển rác thải sinh hoạt (bao gồm cả phương thức cung ứng dịch vụ vận chuyển) từ Điểm tập kết về khu xử lý chất thải rắn trong tỉnh và dự toán kinh phí hàng năm theo quy định.

- Ký Hợp đồng với đơn vị vận chuyển rác theo quy định .

- Giao cơ quan chuyên môn quản lý việc nghiệm thu, thanh toán, quyết toán khối lượng và kinh phí vận chuyển rác thải từ Điểm tập kết rác thải sinh hoạt nông thôn đến Khu xử lý chất thải rắn trong tỉnh.

- Chỉ đạo các xã, phường thị trấn thực hiện việc thu gom rác thải sinh hoạt đến Điểm tập kết rác thải theo quy định.

- Chỉ đạo doanh nghiệp cung ứng dịch vụ vận chuyển rác thải sinh hoạt xây dựng phương án điều chỉnh giá khi các yếu tố đầu vào (chi phí nhiên liệu, tiền lương, định mức kinh tế kỹ thuật ...) biến động tăng hoặc giảm trên 10% gửi Sở Tài chính thẩm định sau khi có ý kiến của sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Sở Tài chính:

-Thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch công ích hàng năm của các huyện, thị xã, thành phố.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì phối hợp với các Sở liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện thu gom và vận chuyển rác; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

Điều 4. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký, áp dụng từ 1/1/2016 và thay thế Quyết định số 133/2011/QĐ-UBND ngày 24/10/2011 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá vận chuyển và quy trình thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn .

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: TC, TP (b/c) ;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh;
- VP TU, các cơ quan thuộc TU;
- HU, Thị ủy, Thành ủy các huyện, thị xã, thành phố;
- Ủy ban MTTQ tỉnh, các đoàn thể nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NN, CN.XDCB, PVPTH, CVP, ...

**TM. UBND TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Như